

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **205**/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 01 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản vào doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai tại Tờ trình số 11/TTr-KTTL-HĐTV ngày 28 tháng 6 năm 2025 về việc đề nghị hợp nhất Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai và Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thủy lợi Bình Phước và theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Văn bản số 5539/SNV-TCBC ngày 30 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Một thành viên thủy lợi Đồng Nai; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ll*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (tobt).



Võ Tấn Đức



ĐIỀU LỆ

**Tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên
Thủy lợi Đồng Nai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng

Điều lệ này quy định về tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Đồng Nai (sau đây gọi tắt là Công ty)

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong phạm vi Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) "Chủ sở hữu Công ty" là Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.
- b) "Đơn vị trực thuộc" là chi nhánh Công ty và các Xí nghiệp khai thác thủy lợi nằm trong cơ cấu tổ chức công ty.
- c) "Luật quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp" là Luật quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014.
- d) "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.
- đ) "Nghị định 10/2019/NĐ-CP" là Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước.
- e) "Nghị định 91/2015/NĐ-CP" là Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản vào doanh nghiệp.
- g) "Nghị định 159/2020/NĐ-CP" là Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

h) “Nghị định 47/2021/NĐ-CP” là Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp.

2. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp, pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và các văn bản khác có liên quan sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

3. Các tham chiếu của Điều lệ này tới quy định của văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Tên công ty, trụ sở chính

1. Tên Công ty:

a) Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Đồng Nai.

b) Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: Dongnai Irrigation One Member Co.Ltd.

2. Mã số doanh nghiệp: 3600253230

3. Trụ sở chính:

Số 126, đường Nguyễn Ái Quốc, khu phố 1, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0251.6297663

Website: <https://www.thuylodongnai.vn>

Email: thuylodongnai@gmail.com

Điều 4. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân

1. Công ty là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, tổ chức và hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

2. Công ty có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tiền đồng Việt Nam tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Đồng Nai, các ngân hàng trong nước theo quy định của pháp luật.

3. Công ty có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình.

Điều 5. Mục tiêu hoạt động, ngành, nghề kinh doanh

1. Mục tiêu hoạt động:

a) Thực hiện nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo Luật thủy lợi năm 2017 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Hiện đại hóa trong công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi và cung cấp các dịch vụ thủy lợi.

b) Bảo toàn và phát triển vốn của chủ sở hữu đầu tư tại Công ty; Tối đa hóa hiệu quả hoạt động kinh doanh trên cả hai mặt: hiệu quả xã hội và hiệu quả kinh doanh; Thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước; Cải thiện, nâng cao đời sống cán bộ, người lao động; hoàn thành các nhiệm vụ do Chủ sở hữu giao.

2. Ngành nghề kinh doanh:

a) Quản lý và khai thác tổng hợp các công trình thủy lợi: Cấp nước tưới, tiêu, thoát lũ, ngăn mặn xả phèn phục vụ sản xuất nông nghiệp; cấp nước công nghiệp, cấp nước sinh hoạt; nuôi trồng thủy sản; dịch vụ du lịch sinh thái và các hoạt động giải trí.

b) Khai thác, xử lý nước ngầm, cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất công nghiệp, dịch vụ.

c) Thiết kế, thi công công trình thủy lợi, công trình cung cấp nước sạch sinh hoạt và công trình dân dụng.

d) Đầu tư, tư vấn khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng và sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi, công trình cấp nước sinh hoạt, công trình cấp nước công nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

đ) Làm chủ đầu tư, bên mời thầu, lập hồ sơ mời thầu, thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế, thẩm tra thiết kế kỹ thuật tổng dự toán công trình thủy lợi; giám sát thi công công trình thủy lợi và dân dụng; quản lý dự án công trình thủy lợi; công trình cấp nước sinh hoạt, công trình dân dụng.

e) Cho thuê mặt nước nuôi trồng thủy sản, khai thác du lịch, vui chơi giải trí; cho thuê đất vùng bán ngập thuộc phạm vi đất công trình thủy lợi để tổ chức các dịch vụ và trồng cây có giá trị kinh tế cao nhằm khai thác tiềm năng du lịch sinh thái.

f) Bán buôn phụ tùng, vật tư, thiết bị chuyên ngành nước và công nghệ tưới, phụ kiện máy móc ngành nông nghiệp, sửa chữa máy móc, thiết bị.

g) Bán buôn xe máy, phụ tùng xe máy, bảo dưỡng xe máy.

h) Ngoài ngành nghề kinh doanh chủ yếu, Công ty được sử dụng các nguồn lực được giao để tổ chức hoạt động kinh doanh những ngành nghề khác mà pháp luật không cấm, nhưng không được làm ảnh hưởng đến mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

Điều 6. Mức vốn điều lệ

1. Toàn bộ vốn điều lệ của Công ty là do Chủ sở hữu Công ty đầu tư.

2. Vốn điều lệ của công ty là: 1.309 tỷ đồng

(Bằng chữ: *Một nghìn, ba trăm linh chín tỷ đồng*).

Điều 7. Chủ sở hữu nhà nước

Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai là Chủ sở hữu Nhà nước của Công ty. Việc thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với công ty theo quy định tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 8. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Giám đốc Công ty. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Quản lý nhà nước

Công ty chịu sự quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, các sở, ngành theo sự phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Đảng bộ Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Tổ chức Công đoàn và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Công đoàn và Đoàn thanh niên.

3. Công ty tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, điều kiện cần thiết khác để thành viên các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên thực hiện việc tổ chức hoạt động và sinh hoạt đầy đủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Nội quy của các tổ chức mình.

Chương II QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 11. Quyền của Công ty

1. Quyền của Công ty đối với vốn, tài sản, đầu tư và quản lý tài chính:

a) Được ngân sách Nhà nước đầu tư toàn bộ tài sản theo mức vốn điều lệ để phục vụ mục tiêu sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trong lĩnh vực quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt.

b) Được quyền quyết định phương án và thực hiện các hình thức huy động vốn theo quy định của pháp luật để phục vụ sản xuất kinh doanh với tổng mức huy động không vượt quá 50% vốn chủ sở hữu trên nguyên tắc: Vốn huy động được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả; Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu tại Công ty ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất không vượt quá 3 lần.

c) Được Nhà nước cấp kinh phí trong các trường hợp sau:

- Chi phí thực tế ứng cứu cấp bách khi thiên tai xảy ra đối với các công trình thủy lợi như: Bơm nước chống úng, bơm nước chống hạn, hư hỏng công trình...

- Đầu tư nâng cấp công trình thủy lợi theo dự án đầu tư xây dựng cơ bản được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Khôi phục công trình thủy lợi khi bị hư hỏng do thiên tai theo dự toán đầu tư xây dựng cơ bản được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Trợ cấp, trợ giá theo quy định do việc sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thực hiện theo phương thức đặt hàng, giao kế hoạch có giá tiêu thụ do Nhà nước quy định.

- Hỗ trợ kinh phí khi lợi nhuận trong kinh doanh không đủ trích lập hai quỹ khen thưởng, phúc lợi theo phương án phân phối lợi nhuận được Chủ sở hữu phê duyệt.

d) Được quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản cố định có giá trị nhỏ hơn 50% vốn chủ sở hữu của Công ty. Trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, quản lý dự án đầu tư xây dựng và các quy định khác của pháp luật.

đ) Được quyền chuyển nhượng, cho thuê, thế chấp tài sản không trực tiếp phục vụ nhiệm vụ của công ty và có giá trị dưới 50% vốn chủ sở hữu của công ty trên nguyên tắc: Bảo đảm hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của pháp luật. Đối với tài sản phục vụ mục tiêu sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi của công ty còn sử dụng, có giá trị, thì việc chuyển nhượng, cho thuê, thế chấp phải được Chủ sở hữu công ty cho phép.

e) Được chủ động thực hiện nhượng, bán, thanh lý tài sản cố định không trực tiếp phục vụ nhiệm vụ đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được có giá trị còn lại dưới 50% vốn chủ sở hữu trên nguyên tắc: Công khai, minh bạch, bảo toàn vốn. Đối với tài sản phục vụ mục tiêu

sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khi nhượng, bán, thanh lý phải được Chủ sở hữu cho phép.

g) Các quyền khác theo quy định của Nghị định 91/2015/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

2. Quyền của Công ty về kinh doanh và tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh:

a) Khai thác tổng hợp công trình thủy lợi và các công trình cung cấp nước sạch sinh hoạt.

b) Được Nhà nước ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, khai thác công trình thủy lợi và được khuyến khích sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích trong các lĩnh vực khác.

c) Kiến nghị Ủy ban nhân dân địa phương nơi có công trình thủy lợi thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo đảm an toàn công trình trong trường hợp công trình bị xâm hại hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố.

d) Tự chủ tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng trong phạm vi mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh quy định tại Điều 5, Điều lệ này và những ngành nghề khác mà pháp luật không cấm.

đ) Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh, phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

e) Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

g) Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ.

h) Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.

i) Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại tố cáo.

k) Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Quyền về quản lý lao động, tiền lương và tổ chức công tác cán bộ: theo Quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên và người lao động làm việc trong Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định hiện hành của Nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan. Khi Chính phủ có điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung thì quyền về quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng và tổ chức cán bộ, nhân sự điều chỉnh theo cho phù hợp.

Điều 12. Nghĩa vụ của công ty

1. Nghĩa vụ đối với vốn, tài sản đầu tư và quản lý tài chính:

a) Công ty có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn Chủ sở hữu đầu tư tại Công ty. Mọi biến động về tăng, giảm vốn Chủ sở hữu, Công ty phải báo cáo Chủ sở hữu và Sở Tài chính để theo dõi, giám sát. Định kỳ 6 tháng và hàng năm Công ty phải đánh giá hiệu quả sử dụng vốn thông qua chỉ tiêu mức độ bảo toàn vốn theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b) Ưu tiên tập trung vốn và các nguồn lực khác để phục vụ mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo kế hoạch hoặc hợp đồng đặt hàng của Chủ sở hữu.

c) Đảm bảo hiệu quả và hạch toán riêng phần hoạt động kinh doanh ngoài nhiệm vụ sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

d) Xác định doanh thu, thu nhập khác và chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành.

đ) Xây dựng và trình Chủ sở hữu phê duyệt Quy chế quản lý tài chính làm cơ sở quản lý tiền vốn và tài sản tại Công ty.

e) Xây dựng Quy chế quản lý chi tiêu nội bộ để quản lý chặt chẽ các khoản chi phí nhằm giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

g) Xây dựng Quy chế quản lý công nợ để xác định rõ trách nhiệm giải quyết và nguyên tắc xử lý các khoản nợ phải thu, nợ phải trả đối với từng cá nhân, đơn vị trong Công ty theo quy định của pháp luật.

h) Xây dựng Quy chế quản lý và sử dụng tài sản để xác định rõ trách nhiệm của từng khâu trong quá trình quản lý và sử dụng tài sản.

i) Chấp hành quyết định của Chủ sở hữu về việc điều chuyển tài sản phục vụ mục tiêu sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi của Công ty để thực hiện mục tiêu sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ thủy lợi ở Công ty khác trong trường hợp cần thiết, nhưng không làm giảm vốn điều lệ của Công ty theo quy định.

k) Các trách nhiệm, nghĩa vụ đối với quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật.

l) Trách nhiệm, nghĩa vụ khác theo quy định của Nghị định 91/2015/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Nghĩa vụ trong kinh doanh:

a) Kinh doanh đúng ngành, nghề đã đăng ký và các ngành nghề khác mà pháp luật không cấm; Sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đủ số lượng, đúng chất lượng và thời hạn đã cam kết theo giá hoặc phí do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; Chịu trách nhiệm trước khách hàng và trước pháp luật về số lượng, chất lượng, điều kiện cung ứng và giá, phí sản phẩm, dịch vụ thủy lợi do Công ty cung ứng.

b) Phải tự bù đắp chi phí theo giá trúng thầu khi tham gia sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo phương thức đấu thầu.

c) Đổi mới, hiện đại hóa công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.

d) Bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động và quyền tham gia quản lý công ty của người lao động theo quy định của pháp luật.

đ) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Chủ sở hữu.

e) Tuân theo các quy định của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, văn hóa, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

g) Thực hiện việc quản lý rủi ro và bảo hiểm cho tài sản, con người của Công ty trong sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

h) Chịu sự giám sát của Chủ sở hữu trong thực hiện các quy định về thang, bảng lương; đơn giá tiền lương, chế độ trả lương đối với người lao động, người quản lý doanh nghiệp và kiểm soát viên.

i) Chịu sự giám sát, kiểm tra của chủ sở hữu nhà nước; chấp hành các quyết định về thanh tra của cơ quan tài chính và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

k) Chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu về việc sử dụng vốn đầu tư để đầu tư vào doanh nghiệp khác.

l) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và được Nhà nước giao.

m) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chương III

QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÔNG TY VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC QUYỀN, TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

Điều 13. Tổ chức thực hiện các quyền và trách nhiệm của Chủ sở hữu Nhà nước đối với Công ty

1. Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Thực hiện cấp đủ vốn cho Công ty.

b) Quyết định việc tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản, chuyển giao Công ty.

c) Ban hành, sửa đổi, bổ sung điều lệ của Công ty theo đề nghị của Hội đồng thành viên Công ty.

d) Phê duyệt đề Hội đồng thành viên Công ty quyết định chiến lược sản xuất, kinh doanh 10 năm; kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm, kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của Công ty.

đ) Quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên Công ty theo quy định của pháp luật.

e) Có ý kiến trước khi Hội đồng thành viên Công ty quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Giám đốc.

g) Phê duyệt chủ trương theo đề nghị của Hội đồng thành viên về việc bổ nhiệm Phó Giám đốc.

h) Thực hiện quyền và trách nhiệm về tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của người quản lý, Kiểm soát viên Công ty theo quy định của Chính phủ về tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, Kiểm soát viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

i) Ban hành, sửa đổi, bổ sung quy chế tài chính của Công ty theo quy định của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

k) Phê duyệt mức vốn điều lệ của Công ty (kể cả điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động), cấp bổ sung vốn điều lệ cho Công ty theo quy định phù hợp với từng nguồn vốn bổ sung điều lệ.

l) Phê duyệt phương án huy động vốn, dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định, dự án đầu tư ra ngoài Công ty có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn hoặc có giá trị bằng hoặc lớn hơn dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

m) Phê duyệt báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của Công ty.

n) Giám sát, kiểm tra, thanh tra việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển, việc tuyển dụng lao động, thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng của Công ty; có ý kiến về việc giám sát, kiểm tra, thanh tra của cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền đối với hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại Công ty.

o) Đánh giá kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất, kinh doanh của Công ty; đánh giá mức độ hoàn thành trong quản lý, điều hành của người quản lý, Kiểm soát viên Công ty.

p) Quyết định để Hội đồng thành viên ký hợp đồng thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của Công ty có giá trị lớn hơn mức phân cấp cho Hội đồng thành viên theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định hướng dẫn của Chính phủ.

q) Phê duyệt phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị lớn hơn mức phân cấp cho Hội đồng thành viên theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định hướng dẫn của Chính phủ.

r) Các quyền và trách nhiệm khác theo quy định tại Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

2. Các Sở, ngành liên quan:

Thực hiện quyền và trách nhiệm được phân cấp theo quy định Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật có liên quan.

3. Hội đồng thành viên:

Được giao thực hiện các quyền, trách nhiệm theo quy định tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP, Nghị định số 159/2020/NĐ-CP, quy định Ủy ban nhân dân tỉnh, Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

4. Ban Kiểm soát:

a) Ban Kiểm soát thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 104 Luật doanh nghiệp.

b) Xây dựng Kế hoạch công tác hằng năm, trình cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt, ban hành trong quý I; thực hiện theo kế hoạch công tác năm được phê duyệt. Đối với những trường hợp cần kiểm tra, giám sát đột xuất nhằm phát hiện sớm những sai sót của doanh nghiệp, Ban Kiểm soát chủ động thực hiện, đồng thời báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu.

c) Giám sát thực hiện các dự án đầu tư lớn có giá trị lớn hơn 30% vốn chủ sở hữu hoặc lớn hơn mức vốn của dự án nhóm B theo phân loại quy định tại Luật

Đầu tư công, hợp đồng, giao dịch mua, bán, giao dịch kinh doanh có giá trị lớn hơn 10% vốn chủ sở hữu hoặc theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu; giao dịch kinh doanh bất thường của công ty.

Điều 14. Tổ chức thực hiện nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với Công ty

1. Đầu tư đủ vốn điều lệ: Chủ sở hữu Công ty có nghĩa vụ đầu tư đủ vốn điều lệ tại Công ty.

2. Tuân thủ Điều lệ Công ty: Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ Công ty và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những quyết định không đúng thẩm quyền.

3. Về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác:

a) Chủ sở hữu có nghĩa vụ về các khoản nợ và tài sản khác trong phạm vi số vốn điều lệ của Công ty. Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty phải quản lý và điều hành công ty bảo đảm khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác; xác định và tách biệt tài sản của Chủ sở hữu và tài sản của Công ty.

b) Chủ sở hữu phải giám sát, kiểm tra, đánh giá các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty. Trường hợp phát hiện Công ty gặp khó khăn trong thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, thì phải yêu cầu và chỉ đạo Công ty có đề án khắc phục và báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

c) Chỉ đạo Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty thực hiện thủ tục yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật, nếu Công ty lâm vào tình trạng phá sản.

4. Trách nhiệm khi phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay:

a) Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm của Chủ sở hữu có nghĩa vụ thực hiện đúng thẩm quyền, đúng pháp luật khi phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay của Công ty; giám sát thực hiện các quyết định và phê duyệt của mình.

b) Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty phải thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay của Công ty theo đúng chủ trương phê duyệt và quy định của pháp luật.

5. Nghĩa vụ bảo đảm quyền kinh doanh theo pháp luật của Công ty:

Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền, trách nhiệm của Chủ sở hữu có nghĩa vụ bảo đảm quyền kinh doanh theo pháp luật; bảo đảm để Hội đồng thành viên, Giám đốc chủ động quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty có hiệu quả theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chương IV

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 15. Mô hình tổ chức, quản lý công ty

Tổ chức quản lý Công ty theo mô hình: Hội đồng thành viên, Giám đốc, Ban Kiểm soát.

Mục 1

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Điều 16. Chức năng và cơ cấu Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên nhân danh Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định của Điều lệ này, Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Hội đồng thành viên bao gồm Chủ tịch và các thành viên khác, số lượng không quá 07 người. Thành viên Hội đồng thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách và do cơ quan đại diện Chủ sở hữu bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật.

3. Nhiệm kỳ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên là 05 năm, tính từ thời điểm quyết định bổ nhiệm có hiệu lực. Trường hợp thời hạn giữ chức vụ dưới 05 năm thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên có thể được bổ nhiệm lại. Một cá nhân được bổ nhiệm làm Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên không quá 02 nhiệm kỳ, trừ trường hợp đã có trên 15 năm làm việc liên tục tại Công ty trước khi được bổ nhiệm lần đầu.

Điều 17. Quyền và trách nhiệm của Hội đồng thành viên

1. Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu:

a) Quyết định tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản doanh nghiệp.

b) Ban hành điều lệ, sửa đổi, bổ sung điều lệ; quyết định, điều chỉnh vốn điều lệ.

c) Quyết định đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu của Chủ tịch Hội đồng thành viên và thành viên Hội đồng thành viên.

d) Cấp vốn để thực hiện việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hội đồng thành viên Công ty quyết định sau khi cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt các nội dung sau đây:

a) Chiến lược sản xuất, kinh doanh 10 năm; kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm, kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của Công ty.

b) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Giám đốc.

c) Quyết định bổ nhiệm Phó Giám đốc.

d) Huy động vốn, dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định, dự án đầu tư ra ngoài công ty, dự án đầu tư ra nước ngoài của công ty có giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

đ) Báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của Công ty.

3. Hội đồng thành viên Công ty quyết định các nội dung sau đây:

a) Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

b) Tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác đối với Giám đốc, các chức danh khác do Hội đồng thành viên bổ nhiệm.

c) Quyết định phương án huy động vốn, dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền.

4. Hội đồng thành viên công ty quản lý, điều hành công ty tuân thủ quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan đại diện Chủ sở hữu.

5. Hội đồng thành viên công ty chịu trách nhiệm trước cơ quan đại diện Chủ sở hữu trong quản lý, sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn; báo cáo kịp thời cơ quan đại diện Chủ sở hữu khi công ty hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành nhiệm vụ được giao và những trường hợp sai phạm khác.

6. Hội đồng thành viên Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về vi phạm gây tổn thất vốn, tài sản của doanh nghiệp.

7. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các phòng chuyên môn nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc Công ty.

8. Đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ quản lý các phòng chuyên môn nghiệp vụ và cán bộ quản lý các đơn vị trực thuộc Công ty theo đề nghị của Giám đốc Công ty.

9. Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm, chủ trương phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của Công ty.

10. Ban hành quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên của Hội đồng thành viên, quyết định hoặc có ý kiến đề Giám đốc ban hành quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

11. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

Điều 18. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng thành viên

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp năm 2020.

2. Thường trú tại Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng thành viên phải là công dân Việt Nam.

3. Tốt nghiệp đại học, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề hoạt động của doanh nghiệp, có trình độ lý luận chính trị trung cấp. Chủ tịch Hội đồng thành viên phải có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành, nghề có liên quan đến ngành kinh doanh chính của Công ty.

4. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.

5. Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu; thành viên Hội đồng thành viên; Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty; Kiểm soát viên Công ty.

6. Trừ Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên khác của Hội đồng thành viên có thể kiêm Giám đốc Công ty.

7. Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc của doanh nghiệp nhà nước.

8. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.

Điều 19. Miễn nhiệm, cách chức thành viên Hội đồng thành viên

1. Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên bị miễn nhiệm trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 18 của Điều lệ này.

b) Có đơn xin từ chức và được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận bằng văn bản.

c) Có quyết định điều chuyển, bố trí công việc khác hoặc nghỉ hưu.

d) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao.

đ) Không đủ sức khỏe hoặc không còn uy tín để giữ chức vụ thành viên Hội đồng thành viên.

2. Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng thành viên bị cách chức trong trường hợp sau đây:

a) Công ty không hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch hằng năm, không bảo toàn và phát triển vốn đầu tư theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu mà không giải trình được nguyên nhân khách quan hoặc giải trình nguyên nhân nhưng không được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận.

b) Bị Tòa án kết án và bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

c) Không trung thực trong thực thi quyền, nghĩa vụ hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ, sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính và kết quả sản xuất, kinh doanh của Công ty.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm, cách chức Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm người khác thay thế.

Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Xây dựng kế hoạch hoạt động hằng quý và hằng năm của Hội đồng thành viên.

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng thành viên.

c) Triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng thành viên.

d) Thay mặt Hội đồng thành viên ký nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên.

đ) Tổ chức thực hiện quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu và nghị quyết Hội đồng thành viên.

e) Tổ chức giám sát, trực tiếp giám sát và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chiến lược, kết quả hoạt động của Công ty, kết quả quản lý, điều hành của Giám đốc Công ty.

2. Trường hợp vắng mặt thì Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên. Trường hợp không có thành viên được ủy quyền hoặc Chủ tịch

Hội đồng thành viên không thể thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình vì một lý do bất khả kháng thì các thành viên kiến nghị Chủ sở hữu Công ty chỉ định một người trong số các thành viên còn lại tạm thời thực hiện quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên.

3. Chủ tịch Hội đồng thành viên có trách nhiệm giải trình và chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu Công ty về việc chậm trễ hoặc không ký các quyết định của Hội đồng thành viên.

4. Ngoài trường hợp quy định tại Điều 19 Điều lệ này, Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể bị miễn nhiệm, cách chức nếu không thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên

1. Tham dự cuộc họp Hội đồng thành viên, thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên.

2. Kiểm tra, xem xét, tra cứu, sao chép, trích lục sổ ghi chép và theo dõi họp đồng, giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính, sổ biên bản họp Hội đồng thành viên, các giấy tờ và tài liệu khác của Công ty.

3. Thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ của Hội đồng thành viên.

4. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

Điều 22. Trách nhiệm của Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty, quyết định của Chủ sở hữu Công ty và quy định của pháp luật.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty và Chủ sở hữu.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và Chủ sở hữu; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối và doanh nghiệp mà người có liên quan của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được tập hợp và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Chấp hành nghị quyết Hội đồng thành viên.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hiện các hành vi sau đây:

a) Lợi dụng danh nghĩa Công ty thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

b) Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Công ty và gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác.

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn khi nguy cơ rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

7. Trường hợp thành viên Hội đồng thành viên phát hiện có thành viên Hội đồng thành viên khác có hành vi vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản với cơ quan đại diện chủ sở hữu; yêu cầu thành viên vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

8. Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

Điều 23. Chế độ làm việc, điều kiện và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên làm việc theo chế độ tập thể; họp ít nhất một lần trong một quý để xem xét, quyết định những vấn đề thuộc quyền, nghĩa vụ của mình. Đối với những vấn đề không yêu cầu thảo luận thì Hội đồng thành viên có thể lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản theo quy định. Hội đồng thành viên có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách theo yêu cầu của cơ quan đại diện Chủ sở hữu Công ty, theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc trên 50% tổng số thành viên Hội đồng thành viên hoặc Giám đốc.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc thành viên được Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền có trách nhiệm chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu, triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng thành viên. Các thành viên Hội đồng thành viên có quyền kiến nghị bằng văn bản về chương trình họp. Nội dung và các tài liệu cuộc họp phải gửi đến các thành viên Hội đồng thành viên và người được mời dự họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Tài liệu sử dụng trong cuộc họp liên quan đến việc kiến nghị Chủ sở hữu Công ty sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, thông qua phương hướng phát triển công ty, thông qua báo cáo tài chính hằng năm, tổ chức lại hoặc giải thể Công ty phải được gửi đến các thành viên chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp.

3. Thông báo mời họp Hội đồng thành viên có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và được gửi trực tiếp đến từng thành viên Hội đồng thành viên và người được mời dự họp. Nội dung thông báo mời họp phải xác định rõ thời gian, địa điểm và chương trình họp. Hình thức họp trực tuyến có thể được áp dụng khi cần thiết.

4. Cuộc họp Hội đồng thành viên hợp lệ khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Hội đồng thành viên tham dự. Nghị quyết Hội đồng thành viên được thông qua khi có hơn một nửa tổng số thành viên tham dự biểu quyết tán thành; trường hợp có số phiếu ngang nhau thì nội dung có phiếu tán thành của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người được Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy

quyền chủ trì cuộc họp là nội dung được thông qua. Thành viên Hội đồng thành viên có quyền bảo lưu ý kiến của mình và kiến nghị lên Chủ sở hữu Công ty.

5. Trường hợp lấy ý kiến các thành viên Hội đồng thành viên bằng văn bản thì nghị quyết Hội đồng thành viên được thông qua khi có hơn một nửa tổng số thành viên Hội đồng thành viên tán thành. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên Hội đồng thành viên.

6. Căn cứ vào nội dung và chương trình cuộc họp, khi xét thấy cần thiết, Hội đồng thành viên mời đại diện có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức có liên quan tham dự và thảo luận các vấn đề cụ thể trong chương trình cuộc họp. Đại diện cơ quan, tổ chức được mời dự họp có quyền phát biểu ý kiến nhưng không tham gia biểu quyết. Các ý kiến phát biểu của đại diện được mời dự họp được ghi đầy đủ vào biên bản của cuộc họp.

7. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết, các nghị quyết được Hội đồng thành viên thông qua và kết luận của các cuộc họp Hội đồng thành viên phải được ghi biên bản. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính trung thực của biên bản họp Hội đồng thành viên. Biên bản họp Hội đồng thành viên phải được thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Thời gian, địa điểm, mục đích, chương trình họp; danh sách thành viên dự họp; vấn đề được thảo luận và biểu quyết; tóm tắt ý kiến phát biểu của thành viên, đại diện được mời dự họp về từng vấn đề thảo luận.

b) Số phiếu biểu quyết tán thành và không tán thành đối với trường hợp không áp dụng phương thức bỏ phiếu trắng; số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với trường hợp áp dụng phương thức bỏ phiếu trắng.

c) Các quyết định được thông qua.

d) Họ, tên, chữ ký của thành viên dự họp.

8. Thành viên Hội đồng thành viên có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của Công ty theo quy chế thông tin do Hội đồng thành viên quy định hoặc theo nghị quyết Hội đồng thành viên. Người được yêu cầu cung cấp thông tin phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng thành viên, trừ trường hợp Hội đồng thành viên có quyết định khác.

9. Hội đồng thành viên sử dụng bộ máy quản lý, điều hành, bộ phận giúp việc và con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.

10. Chi phí hoạt động của Hội đồng thành viên, tiền lương, phụ cấp và thù lao được tính vào chi phí quản lý công ty.

11. Trường hợp cần thiết, Hội đồng thành viên tổ chức việc lấy ý kiến chuyên gia tư vấn trong nước và nước ngoài trước khi quyết định vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại Quy chế Quản lý tài chính của Công ty.

12. Nghị quyết Hội đồng thành viên có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực ghi trong nghị quyết, trừ trường hợp phải được Chủ sở hữu Công ty chấp thuận.

Mục 2

GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 24. Giám đốc

1. Giám đốc Công ty do Hội đồng thành viên bổ nhiệm hoặc thuê theo phương án nhân sự đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận. Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 năm, tính từ thời điểm quyết định bổ nhiệm có hiệu lực. Trường hợp giữ chức vụ dưới 05 năm thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền và có thể được bổ nhiệm lại.

2. Giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng thành viên Công ty về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

3. Giám đốc Công ty thực hiện quyền và trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Giám đốc Công ty có nhiệm vụ điều hành các hoạt động hằng ngày của Công ty và có quyền, nghĩa vụ sau đây:

a) Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, phương án kinh doanh, kế hoạch đầu tư của Công ty.

b) Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên và của Chủ sở hữu Công ty.

c) Quyết định các công việc hằng ngày của Công ty.

d) Ban hành quy chế quản lý nội bộ của Công ty sau khi đã được Hội đồng thành viên chấp thuận.

đ) Ký kết hợp đồng, giao dịch nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên.

e) Lập và trình Hội đồng thành viên báo cáo định kỳ hằng quý, hằng năm về kết quả thực hiện mục tiêu kế hoạch kinh doanh; báo cáo tài chính.

g) Kiến nghị phân bổ và sử dụng lợi nhuận sau thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty.

h) Kiến nghị Hội đồng thành viên trong việc đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, kỷ luật đối với cán bộ quản lý các phòng chuyên môn nghiệp vụ và cán bộ quản lý các đơn vị trực thuộc Công ty.

i) Hằng năm lập và trình Hội đồng thành viên phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động.

k) Bố trí, tuyển dụng, sử dụng lao động theo kế hoạch đã được Hội đồng thành viên phê duyệt.

l) Chấm dứt hợp đồng lao động khi người lao động xin thôi việc hoặc vi phạm hợp đồng.

m) Kiến nghị phương án tổ chức lại Công ty.

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Tiêu chuẩn, điều kiện của Giám đốc

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp năm 2020.

2. Tốt nghiệp đại học, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty.

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu; thành viên Hội đồng thành viên; Phó giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty; Kiểm soát viên Công ty.

4. Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó giám đốc tại Công ty hoặc ở doanh nghiệp nhà nước khác.

5. Không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.

Điều 26. Miễn nhiệm, cách chức đối với Giám đốc và người quản lý khác của Công ty, Kế toán trưởng

1. Giám đốc bị miễn nhiệm trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 25 của Điều lệ này.

b) Có đơn xin nghỉ việc.

2. Giám đốc bị xem xét cách chức trong trường hợp sau đây:

a) Doanh nghiệp không bảo toàn được vốn theo quy định của pháp luật.

b) Doanh nghiệp không hoàn thành các mục tiêu kế hoạch kinh doanh hằng năm mà không giải trình được nguyên nhân khách quan hoặc giải trình nguyên nhân nhưng không được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận.

c) Doanh nghiệp vi phạm pháp luật bị xử lý kỷ luật.

d) Không có đủ trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh mới của doanh nghiệp.

đ) Vi phạm một trong số các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người quản lý quy định tại Điều 20, 21 và Điều 22 của Điều lệ này.

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Phó Giám đốc bị xem xét, miễn nhiệm trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện của người quản lý doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật.

b) Có hai năm liên tiếp xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ.

c) Bị xử lý kỷ luật chưa đến mức cách chức nhưng do yêu cầu nhiệm vụ công tác cần phải thay thế.

d) Bị xử lý kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo hai lần trong cùng một nhiệm kỳ bổ nhiệm.

đ) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm quy định của Đảng về bảo vệ chính trị nội bộ.

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Kế toán trưởng bị xem xét, miễn nhiệm trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện của người quản lý doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật.

b) Có hai năm liên tiếp xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ.

c) Bị xử lý kỷ luật chưa đến mức cách chức nhưng do yêu cầu nhiệm vụ công tác cần phải thay thế.

d) Bị xử lý kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo hai lần trong cùng một nhiệm kỳ bổ nhiệm.

đ) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm quy định của Đảng về bảo vệ chính trị nội bộ.

e) Các lý do miễn nhiệm khác theo quy định của Đảng và pháp luật.

Điều 27. Quan hệ giữa Hội đồng thành viên và Giám đốc trong quản lý, điều hành công ty

1. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho công ty thì Giám đốc báo cáo với Hội đồng thành viên để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Trường hợp Hội đồng thành viên không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Giám đốc có thể báo cáo Chủ sở hữu Công ty, nhưng vẫn phải thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên.

2. Giám đốc lập và gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh hàng tháng, quý, năm và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty cho Hội đồng thành viên; có trách nhiệm báo cáo đột xuất về các vấn đề quản trị, tổ chức quản lý và điều hành của Công ty theo yêu cầu của Hội đồng thành viên.

3. Giám đốc phải mời Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người được Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các báo cáo, đề án trình Hội đồng thành viên hoặc trình Chủ sở hữu Công ty do Giám đốc chủ trì để phối hợp chuẩn bị nội dung có liên quan. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người được ủy quyền tham dự có quyền phát biểu ý kiến nhưng không kết luận cuộc họp.

4. Trường hợp Giám đốc không là thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc được mời tham gia cuộc họp của Hội đồng thành viên và được quyền phát biểu ý kiến, nhưng không có quyền biểu quyết.

Điều 28. Hợp đồng, giao dịch với những người có liên quan

1. Thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty:

a) Không được để người có quan hệ gia đình của mình giữ chức danh Kế toán trưởng, thủ quỹ của Công ty.

b) Báo cáo Chủ sở hữu Công ty về các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty ký kết với người có quan hệ gia đình với thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty. Trường hợp phát hiện hợp đồng có mục đích tư lợi mà hợp đồng chưa được ký kết thì có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc không được ký kết hợp đồng đó. Nếu hợp đồng đã được ký kết thì bị coi là vô hiệu, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc phải bồi thường thiệt hại cho công ty và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Các trường hợp khác thực hiện theo quyết định của Chủ sở hữu Công ty (nếu có).

Điều 29. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc

1. Phó Giám đốc giúp Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

Hội đồng thành viên quyết định đánh giá, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật Phó Giám đốc theo đề nghị của Giám đốc.

Số lượng Phó Giám đốc không quá 04 người. Hội đồng thành viên quyết định cơ cấu, số lượng Phó Giám đốc theo quy mô và đặc điểm sản xuất, kinh doanh của Công ty trong quá trình hoạt động. Trường hợp đặc biệt cần nhiều hơn 04 Phó Giám đốc, Hội đồng thành viên đề nghị Chủ sở hữu Công ty xem xét, chấp thuận.

2. Kế toán trưởng do Hội đồng thành viên đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Giám đốc; có tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ theo phân công và ủy quyền của Giám đốc và phù hợp với quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

3. Thời hạn bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng thành viên quyết định, nhưng không quá 5 (năm) năm. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng.

4. Bộ máy giúp việc gồm văn phòng, các phòng chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, kiểm tra, giúp việc Hội đồng thành viên, Giám đốc quản lý, điều hành công ty, thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp.

Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc do Hội đồng thành viên quyết định theo đề nghị của Giám đốc.

Điều 30. Chi nhánh công ty

1. Là chi nhánh hạch toán phụ thuộc cùng tỉnh, có đơn vị kế toán phụ thuộc vào Công ty. Chi nhánh có trách nhiệm chuyển số liệu, chuyển chứng từ doanh thu và chi phí về Công ty để cuối năm hạch toán chung với báo cáo tài chính; Số liệu trong sổ sách kế toán của chi nhánh hạch toán phụ thuộc là một phần sổ sách của Công ty.

2. Công ty chịu trách nhiệm làm báo cáo tài chính cuối năm, báo cáo thuế hàng quý, hàng năm, sử dụng chữ ký số của công ty để nộp thuế môn bài.

3. Vốn kinh doanh chi nhánh là của Công ty; Quy chế, tổ chức bộ máy nhân sự do Hội đồng thành viên phê duyệt; Lợi nhuận sau thuế của chi nhánh thuộc về Công ty; Bộ phận kế toán của chi nhánh thuộc đơn vị kế toán của công ty; Hoạt động theo sự sắp xếp và ủy quyền của Công ty.

Điều 31. Xí nghiệp khai thác thủy lợi

1. Đơn vị trực thuộc của Công ty hoạt động theo chế độ Nhà nước quy định và quy chế do Hội đồng thành viên phê duyệt; được Công ty đầu tư xây dựng cơ

sở vật chất, kỹ thuật, cấp kinh phí nằm trong chi phí chung của Công ty; được hưởng quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi theo chế độ.

2. Là đơn vị hạch toán phụ thuộc, không có vốn và tài sản riêng. Toàn bộ vốn, tài sản của đơn vị hạch toán phụ thuộc được hạch toán kế toán tập trung tại Công ty và thuộc sở hữu của Công ty. Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty được ký kết các hợp đồng kinh tế; thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tổ chức và nhân sự theo sự phân cấp của Công ty, Quy chế hoạt động của đơn vị hạch toán phụ thuộc do Giám đốc xây dựng, ban hành sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng thành viên. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

3. Hội đồng thành viên có thể thành lập phòng hoặc Ban Kiểm toán nội bộ để giúp Hội đồng thành viên kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý điều hành trong Công ty. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn, điều kiện, tiền lương, tiền thưởng, các vấn đề khác có liên quan của Ban Kiểm toán nội bộ do Hội đồng thành viên ban hành.

Mục 3 BAN KIỂM SOÁT

Điều 32. Tổ chức Ban Kiểm soát tại Công ty

1. Chủ sở hữu quyết định thành lập Ban Kiểm soát có từ 01 đến 05 kiểm soát viên, trong đó có Trưởng Ban Kiểm soát. Nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục tại Công ty đó.

2. Trưởng Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên do Chủ sở hữu đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu.

3. Chủ sở hữu quyết định ban hành Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát.

Điều 33. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

1. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên

a) Tham gia các cuộc họp của Hội đồng thành viên, các cuộc tham vấn và trao đổi chính thức và không chính thức của cơ quan đại diện Chủ sở hữu với Hội đồng thành viên; có quyền chất vấn Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên và Giám đốc Công ty về các kế hoạch, dự án hay chương trình đầu tư phát triển và các quyết định khác trong quản lý điều hành Công ty.

b) Xem xét sổ sách kế toán, báo cáo, hợp đồng, giao dịch và tài liệu khác của Công ty; kiểm tra công việc quản lý, điều hành của Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan đại diện Chủ sở hữu.

c) Yêu cầu Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác báo cáo, cung cấp thông tin trong phạm vi quản lý và hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty.

d) Trường hợp phát hiện có thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc và những người quản lý khác làm trái các quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ hoặc có nguy cơ làm trái các quy định đó; hoặc phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, làm trái các quy định về quản lý kinh tế, trái quy định Điều lệ Công ty hoặc các quy chế quản lý nội bộ công ty phải báo cáo ngay cho cơ quan đại diện Chủ sở hữu Công ty và cá nhân có liên quan.

đ) Đề nghị cơ quan đại diện Chủ sở hữu thành lập đơn vị thực hiện nhiệm vụ kiểm toán tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Kiểm soát viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

e) Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh; Giám sát, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Công ty.

g) Giám sát và đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty.

h) Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ sách kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan.

i) Giám sát hợp đồng, giao dịch của Công ty với các bên có liên quan.

k) Giám sát thực hiện dự án đầu tư lớn có giá trị lớn hơn 30% vốn chủ sở hữu hoặc lớn hơn mức vốn của dự án nhóm B theo phân loại quy định tại Luật đầu tư công, hợp đồng, giao dịch mua, bán, giao dịch kinh doanh có giá trị lớn hơn 10% vốn chủ sở hữu hoặc theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu; giao dịch kinh doanh bất thường của Công ty.

l) Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về nội dung quy định tại các khoản e, g, h, i và k Điều này cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và Hội đồng thành viên.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát

a) Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát.

b) Yêu cầu Hội đồng thành viên, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát.

c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát.

3. Trách nhiệm của Trưởng Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Chủ sở hữu và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên.

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất để bảo vệ lợi ích của Nhà nước và lợi ích hợp pháp của các bên tại Công ty.

c) Trung thành với lợi ích của Nhà nước và Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Trường hợp vi phạm trách nhiệm quy định tại điều này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Trưởng Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; hoàn trả lại cho Công ty mọi thu nhập và lợi ích có được do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này.

đ) Báo cáo kịp thời cho Chủ sở hữu, đồng thời Trưởng Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên phải chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả trong trường hợp phát hiện vi phạm quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm được giao.

e) Báo cáo kịp thời cho Chủ sở hữu và cá nhân có liên quan, đồng thời yêu cầu cá nhân đó chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả trong trường hợp sau: Phát hiện Hội đồng thành viên, Giám đốc và người quản lý khác làm trái quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ hoặc có nguy cơ làm trái quy định đó; phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, trái quy định Điều lệ Công ty hoặc Quy chế nội bộ của Công ty.

Điều 34. Chế độ làm việc của Ban Kiểm soát

a) Trưởng Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch công tác hằng tháng, hằng quý và hằng năm của Ban kiểm soát; phân công nhiệm vụ và công việc cụ thể cho từng Kiểm soát viên.

b) Kiểm soát viên chủ động và độc lập thực hiện nhiệm vụ và công việc được phân công; đề xuất, kiến nghị thực hiện nhiệm vụ, công việc kiểm soát khác ngoài kế hoạch, ngoài phạm vi được phân công khi xét thấy cần thiết.

c) Ban kiểm soát họp ít nhất mỗi tháng một lần để rà soát, đánh giá, thông qua báo cáo kết quả kiểm soát trong tháng trình cơ quan đại diện chủ sở hữu; thảo luận và thông qua kế hoạch hoạt động tiếp theo của Ban kiểm soát.

d) Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua khi có đa số thành viên dự họp tán thành. Các ý kiến khác với nội dung quyết định đã được thông qua phải được ghi chép đầy đủ, chính xác và báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Thường trú tại Việt Nam, Kiểm soát viên phải là công dân Việt Nam.
2. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc. Trưởng Ban kiểm soát phải có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc.
3. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.
4. Không được là người quản lý công ty và người quản lý tại doanh nghiệp khác.
5. Không được là người quản lý công ty và người quản lý tại doanh nghiệp khác; không được là Kiểm soát viên của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước; không phải là người lao động của công ty.
6. Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện Chủ sở hữu của Công ty; thành viên Hội đồng thành viên của Công ty; Giám đốc; Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty; Kiểm soát viên khác của công ty.

Điều 36. Miễn nhiệm, cách chức Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 33 Điều lệ này.
 - b) Có đơn xin từ chức và được cơ quan đại diện Chủ sở hữu chấp thuận.
 - c) Được cơ quan đại diện Chủ sở hữu hoặc cơ quan có thẩm quyền khác điều động, phân công thực hiện nhiệm vụ khác.
 - d) Có hai năm liên tiếp xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ.
 - đ) Bị xử lý kỷ luật chưa đến mức cách chức nhưng do yêu cầu nhiệm vụ cần người khác thay thế.
 - e) Bị xử lý kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo hai lần trong cùng nhiệm kỳ bổ nhiệm.
 - g) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm quy định của Đảng về bảo vệ chính trị nội bộ.
 - h) Các lý do miễn nhiệm khác theo quy định của Đảng và pháp luật.

2. Kiểm soát viên bị cách chức trong các trường hợp sau đây:

a) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 03 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

b) Không hoàn thành nghĩa vụ, nhiệm vụ, công việc được phân công trong 01 năm.

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên quy định tại Luật này và Điều lệ công ty.

d) Có hành vi vi phạm pháp luật lần đầu, gây hậu quả rất nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 60 Nghị định số 159/2020/NĐ-CP nhưng chưa đến mức buộc thôi việc, người vi phạm có thái độ tiếp thu, sửa chữa, chủ động khắc phục hậu quả và có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật lần đầu, gây hậu quả nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 3, Điều 61 Nghị định số 159/2020/NĐ-CP.

e) Sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận giả hoặc không hợp pháp để được bổ nhiệm chức vụ hoặc được cử làm đại diện phần vốn nhà nước.

Mục 4

NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 37. Hình thức tham gia quản lý của người lao động

Người lao động tham gia quản lý công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau đây:

1. Hội nghị toàn thể hoặc Hội nghị đại biểu người lao động công ty.
2. Tổ chức công đoàn công ty.
3. Ban Thanh tra nhân dân.
4. Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Nội dung tham gia quản lý công ty của người lao động

1. Người lao động có quyền tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến và đề xuất với cấp có thẩm quyền các vấn đề sau:

a) Việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung nội quy, quy chế và các quy định nội bộ khác của doanh nghiệp có liên quan đến nghĩa vụ, quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động;

b) Việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung thang lương, bảng lương, định mức lao động;

c) Việc tổ chức thực hiện giải pháp cải thiện điều kiện làm việc, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực;

d) Dự thảo quy trình, thủ tục nội bộ về giải quyết tranh chấp lao động, xử lý kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất và các nội dung khác liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động mà doanh nghiệp thấy cần tham khảo ý kiến;

đ) Dự thảo quy chế thực hiện dân chủ của doanh nghiệp;

e) Đề xuất nội dung thương lượng thỏa ước lao động tập thể.

g) Các nội dung khác liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người lao động theo quy định của pháp luật và quy chế thực hiện dân chủ của doanh nghiệp.

2. Tập thể người lao động trong Công ty có quyền tham gia giám sát:

a) Việc thực hiện nghị quyết Hội nghị người lao động.

b) Việc thực hiện các nội quy, quy định, quy chế, Điều lệ của Công ty; thực hiện thỏa ước lao động tập thể; thực hiện hợp đồng lao động; thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động.

c) Việc thu và sử dụng các loại quỹ do người lao động đóng góp.

d) Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp lao động; kết quả thi đua, khen thưởng hàng năm.

3. Hàng năm Công ty có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động để bàn giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh mà Hội đồng thành viên đã thông qua; đánh giá việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế của Công ty và những vấn đề khác liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

4. Quan hệ giữa Công ty và người lao động thực hiện theo các quy định pháp luật về lao động. Giám đốc lập kế hoạch để Hội đồng thành viên thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và người lao động trong Công ty cũng như mối quan hệ giữa Công ty với các tổ chức Công đoàn của người lao động.

Chương V **QUẢN LÝ TÀI CHÍNH**

Điều 38. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ quy định tại Điều 6 của Điều lệ này có thể tăng trong quá trình hoạt động. Chủ sở hữu Công ty phê duyệt tăng vốn điều lệ cho Công ty căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển và mở rộng quy mô, hoạt động

sản xuất kinh doanh, đặc thù hoạt động của Công ty. Mức vốn điều lệ điều chỉnh tăng thêm được xác định tối thiểu cho 3 năm kể từ năm quyết định điều chỉnh vốn điều lệ.

2. Hồ sơ, thủ tục và phương pháp xác định vốn điều lệ; quyền, trách nhiệm và nguồn bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Điều 9, Điều 10 của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và quy định có liên quan.

Điều 39. Quản lý tài chính công ty

Quản lý tài chính của Công ty thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính Công ty do Chủ sở hữu ban hành phù hợp với quy định của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Quản lý và sử dụng vốn, tài sản của Công ty, trong đó có hoạt động đầu tư vốn ra ngoài Công ty; quyền, trách nhiệm của Công ty khi đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác; cơ chế quản lý, quyền, trách nhiệm, thù lao, tiền lương, thưởng, quyền lợi và tiêu chuẩn Người đại diện của Công ty tại doanh nghiệp khác.

2. Quản lý doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh, trong đó có quy định về phân phối thu nhập, sử dụng các quỹ.

3. Kế hoạch tài chính, chế độ kế toán, thống kê và kiểm toán.

4. Những quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 40. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận của doanh nghiệp sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự sau:

1. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định.

2. Lợi nhuận còn lại sau khi trừ Khoản 1, Điều này được phân phối theo thứ tự như sau:

a) Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp.

b) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp:

- Doanh nghiệp xếp loại A được trích 3 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- Doanh nghiệp xếp loại B được trích 1,5 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- Doanh nghiệp xếp loại C được trích 01 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- Doanh nghiệp không thực hiện xếp loại thì không được trích lập hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.

c) Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên:

- Doanh nghiệp xếp loại A được trích 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên;

- Doanh nghiệp xếp loại B được trích 01 tháng lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên;

- Doanh nghiệp xếp loại C hoặc doanh nghiệp không thực hiện xếp loại thì không được trích lập quỹ thưởng người quản lý, kiểm soát viên.

d) Trường hợp số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập Quỹ đầu tư phát triển quy định tại điểm a Khoản này mà không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo mức quy định thì doanh nghiệp được giảm trừ phần lợi nhuận trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo quy định, nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào Quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính.

đ) Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ quy định tại các điểm a, b, c Khoản này được nộp về ngân sách nhà nước.

Chương VI

TỔ CHỨC LẠI, CHUYỂN ĐỔI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 41. Tổ chức lại Công ty

Các hình thức, điều kiện, thẩm quyền quyết định, hồ sơ, trình tự, thủ tục tổ chức lại Công ty thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và theo quy định hiện hành.

Điều 42. Chuyển đổi sở hữu công ty

Chủ sở hữu Công ty quyết định việc chuyển đổi Công ty thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 43. Tạm ngừng kinh doanh

1. Chủ sở hữu Công ty quyết định việc tạm ngừng kinh doanh của Công ty theo đề nghị của Hội đồng thành viên. Quyết định tạm ngừng kinh doanh của Chủ sở hữu Công ty phải được lập thành văn bản.

2. Công ty tổ chức thực hiện tạm ngừng kinh doanh theo quyết định của Chủ sở hữu Công ty phù hợp với Điều 206 của Luật doanh nghiệp năm 2020 và theo quy định hiện hành.

Điều 44. Giải thể công ty

1. Việc giải thể Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 207 của Luật doanh nghiệp năm 2020 và theo quy định hiện hành.
2. Trình tự, thủ tục giải thể Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 208 của Luật doanh nghiệp năm 2020 và theo quy định hiện hành.
3. Công ty giải thể thì chi nhánh phải chấm dứt hoạt động.
4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Phá sản công ty

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của Luật phá sản.

Chương VII**CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG KHAI THÔNG TIN****Điều 46. Trách nhiệm báo cáo và thông tin**

1. Giám đốc có trách nhiệm gửi Hội đồng thành viên những tài liệu sau đây theo định kỳ hàng quý:
 - a) Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty.
 - b) Báo cáo tài chính.
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty và các báo cáo khác theo quy định.
2. Thành viên Hội đồng thành viên có quyền yêu cầu Giám đốc, các cán bộ quản lý của Công ty cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên.
3. Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Công ty.

Điều 47. Báo cáo và thông tin cho Chủ sở hữu

1. Hội đồng thành viên lập và gửi Chủ sở hữu Công ty những tài liệu sau đây:
 - a) Báo cáo về tình hình kinh doanh và tài chính của Công ty.
 - b) Báo cáo về tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng thành viên; của từng thành viên Hội đồng thành viên về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền hoặc ghi tại quyết định bổ nhiệm (nếu có).
 - c) Các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu.

d) Các báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ sở hữu.

2. Kiểm soát viên trình Chủ sở hữu Công ty:

a) Báo cáo kết quả kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng thành viên, Giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của Công ty.

b) Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh.

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý và các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật về chế độ báo cáo, thông tin của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

3. Các báo cáo định kỳ được lập và trình hàng quý. Báo cáo đột xuất được lập và gửi theo yêu cầu của Chủ sở hữu Công ty trong từng trường hợp.

Điều 48. Công bố thông tin

1. Nguyên tắc công bố thông tin

a) Giám đốc Công ty quyết định và chịu trách nhiệm việc công bố thông tin theo quy định của Chính phủ, đồng thời chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, trung thực và chính xác của thông tin được công bố.

b) Báo cáo công bố thông tin được xây dựng theo đúng mẫu quy định và được chuyển sang dữ liệu dưới dạng điện tử (định dạng file là PDF, Word, Excel). Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin là tiếng Việt.

c) Báo cáo công bố thông tin phải được duy trì trên trang thông tin điện tử của công ty, cổng hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan đại diện chủ sở hữu và Cổng thông tin công ty tối thiểu 05 năm. Công ty thực hiện việc bảo quản, lưu trữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định của pháp luật.

2. Hình thức và phương tiện công bố thông tin

a) Hình thức công bố thông tin gồm văn bản và dữ liệu điện tử.

b) Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm: Trang thông tin điện tử của công ty; Cổng hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan đại diện chủ sở hữu; Cổng thông tin công ty.

3. Tài khoản công bố thông tin

a) Tài khoản công bố thông tin trên Cổng thông tin công ty bao gồm các nội dung sau:

- Thông tin về người đại diện theo pháp luật: Họ và tên, cô chứng minh nhân dân/số thẻ căn cước công dân; số điện thoại; thư điện tử; chức vụ.

- Thông tin cơ bản về công ty: Tên công ty; mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, thư điện tử, trang thông tin điện tử; cơ quan đại diện chủ sở hữu; tỷ lệ vốn nhà nước tại công ty.

b) Công ty phải đổi mật khẩu trong vòng 01 đến 03 ngày làm việc kể từ ngày được cung cấp tài khoản và có trách nhiệm bảo quản tài khoản, mật khẩu; thông báo kịp thời cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư nếu tài khoản, mật khẩu bị mất, đánh cắp hoặc phát hiện có người sử dụng trái phép tài khoản.

4. Công bố thông tin định kỳ

Công bố thông tin theo quy định hiện hành của Chính phủ. Ngoài ra, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty những thông tin sau đây:

a) Thông tin cơ bản về Công ty và Điều lệ Công ty.

b) Mục tiêu tổng quát, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hằng năm đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo nội dung quy định tại Biểu số 2 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP; thời hạn công bố trước ngày 31 tháng 3 của năm thực hiện.

c) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm theo nội dung quy định tại Biểu số 3 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP; thời hạn công bố trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện.

d) Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích được giao theo kế hoạch hoặc đấu thầu (nếu có) và trách nhiệm xã hội khác theo nội dung quy định tại Biểu số 4 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP; thời hạn công bố trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện.

đ) Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức 06 tháng của doanh nghiệp theo nội dung quy định tại Biểu số 5 kèm theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP; thời hạn công bố trước ngày 31 tháng 7 hằng năm.

e) Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức hằng năm của doanh nghiệp theo nội dung quy định tại Biểu số 6 kèm theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP; thời hạn công bố trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện.

g) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính giữa năm của công ty đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập, theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp; thời hạn công bố trước ngày 31 tháng 7 hằng năm.

h) Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính hằng năm của công ty đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập, theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp; thời hạn công bố trong vòng 150 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Công bố thông tin bất thường

Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử và ấn phẩm (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở chính và địa điểm kinh doanh của Công ty về các thông tin bất thường trong thời hạn 36 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của Công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa.

b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập hoặc giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến kinh doanh của Công ty.

c) Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc bất kỳ giấy phép, giấy chứng nhận khác có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

d) Thay đổi thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kế toán thống kê, Kiểm soát viên của Công ty.

đ) Có quyết định kỷ luật, khởi tố, có bản án, quyết định của Tòa án đối với một trong số các người quản lý doanh nghiệp.

e) Có kết luận của cơ quan thanh tra hoặc của cơ quan quản lý thuế về việc vi phạm pháp luật của doanh nghiệp.

g) Có quyết định, thành lập, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi đơn vị trực thuộc.

Chương VIII

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC

Điều 49. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

1. Chủ sở hữu Công ty quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng thành viên, có quyền kiến nghị Chủ sở hữu Công ty sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

Điều 50. Quản lý con dấu của Công ty

1. Hội đồng thành viên quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty. Con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng thành viên, Giám đốc quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

Điều 51. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Việc giải quyết tranh chấp nội bộ trong Công ty trước hết phải được thực hiện theo phương thức thương lượng, hòa giải.

2. Trường hợp giải quyết tranh chấp nội bộ theo phương thức thương lượng, hòa giải không đạt được kết quả thì bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp ra các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 52. Phạm vi thi hành

1. Chủ sở hữu, Công ty, các đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Các Quy chế nội bộ của Công ty phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được quy định tại Điều lệ hoặc trong trường hợp có những quy định mới mà Điều lệ này chưa thay đổi thì áp dụng theo những quy định mới đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty./.